

Số: 381 /LĐTBXH-VP

V/v trả lời kiến nghị cử tri gửi tới kỳ họp
thứ 6, Quốc hội khoá XIII về lĩnh vực
bảo trợ xã hội, giảm nghèo và phòng,
chống tệ nạn xã hội

Hà Nội, ngày 19 tháng 02 năm 2013

Kính gửi: Ban Dân nguyện, Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Trả lời Công văn số 731/BDN ngày 16/12/2013 của Ban Dân nguyện và Công văn số 404/VPCP-V.III ngày 16/01/2014 của Văn phòng Chính phủ về việc trả lời kiến nghị của cử tri gửi tới kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XIII, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xin báo cáo như sau:

I. VỀ CHÍNH SÁCH GIẢM NGHÈO

A. Trả lời theo nội dung Công văn số 404/VPCP-V.III ngày 16/01/2014 của Văn phòng Chính phủ về việc trả lời kiến nghị cử tri kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XIII

1. Đề nghị Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu, ban hành chính sách chung, đồng bộ trên phạm vi cả nước, có giải pháp đầu tư cơ sở hạ tầng để tác động trở lại cho công tác giảm nghèo hiệu quả hơn để khuyến khích các hộ nghèo vươn lên thoát nghèo bền vững; tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, tránh tình trạng hộ nghèo lạm dụng, ỷ lại, không muốn vươn lên thoát nghèo. Đề nghị Chính phủ xem xét điều chỉnh Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19/5/2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020 để người dân là đối tượng được hưởng lợi trực tiếp (*Cử tri tỉnh Kiên Giang, Tuyên Quang, Long An-Kiến nghị số 1, 3*).

Qua kết quả giám sát tối cao của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thực hiện chính sách, pháp luật về giảm nghèo giai đoạn 2005-2012 tại một số địa phương; kết quả đánh giá giữa kỳ mục tiêu giảm nghèo giai đoạn 2011-2015 của các tỉnh, thành phố cho thấy: các chính sách giảm nghèo đều đến được các đối tượng thụ hưởng, góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm trên phạm vi cả nước cũng như từng địa phương, đạt kế hoạch đề ra; đời sống người nghèo từng bước được cải thiện.

Tuy nhiên, do có quá nhiều chính sách, dẫn đến nguồn lực đầu tư cho giảm nghèo còn bị phân tán, khó giám sát, đánh giá; mặt khác, cơ chế đầu tư chưa tạo điều kiện phát huy sự tham gia của cộng đồng, người dân, còn tạo sự ỷ lại của người nghèo vào chính sách, không muốn thoát nghèo.

Hiện nay, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đang phối hợp với Bộ Tư pháp và các Bộ, ngành liên quan để rà soát, đánh giá lại cơ chế, chính sách giảm nghèo, đề xuất sửa đổi nhằm tăng cường tính hiệu quả, cụ thể:

- Sắp xếp lại các chính sách giảm nghèo theo hướng tập trung, gọn đầu mối, tránh dàn trải;

- Tăng cường phân cấp, trao quyền cho địa phương, cơ sở, cộng đồng người dân, nhất là trong đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, tạo sinh kế cho người nghèo;

- Giảm dần các chính sách hỗ trợ cho không, tăng chính sách hỗ trợ có điều kiện, phát huy vai trò chủ động, hạn chế tính ỷ lại của người nghèo;

- Mở rộng chính sách hỗ trợ hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo để hạn chế tình trạng tái nghèo, phát sinh nghèo.

Cùng với việc rà soát, ban hành các chính sách hỗ trợ mới để khuyến khích hộ nghèo thoát nghèo, trong thời gian tới, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sẽ có giải pháp đồng bộ chỉ đạo các địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao năng lực cho chính người nghèo phát huy hết năng lực nội sinh trong công tác giảm nghèo, đồng thời tăng cường công tác hướng dẫn, kiểm tra trong việc xác định hộ nghèo.

2. Đề nghị Chính phủ chỉ đạo các Tập đoàn, Tổng công ty, Doanh nghiệp được phân công giúp đỡ 62 huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ tiếp tục quan tâm giúp đỡ các huyện nghèo; tiến hành nghiên cứu, khảo sát, đầu tư vào lĩnh vực sản xuất, chế biến, kinh doanh phù hợp với điều kiện của các huyện nghèo để tạo việc làm ổn định cho nhân dân trên địa bàn huyện nghèo theo thế mạnh của doanh nghiệp và lợi thế của huyện nghèo. Phân công thêm từ 01-02 doanh nghiệp giúp đỡ các huyện nghèo (Cử tri tỉnh Kon Tum - Kiến nghị số 2).

Năm 2014, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sẽ tham mưu cho Chính phủ tổ chức sơ kết 5 năm Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo (nay là 64 huyện nghèo), trong đó tiếp tục vận động, khuyến khích các Tập đoàn kinh tế, các Tổng công ty nhà nước và các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nhận hỗ trợ, giúp đỡ huyện, xã nghèo nhằm bổ sung nguồn lực cho đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, hỗ trợ liên kết phát triển sản xuất, chuyển giao kỹ thuật; đào tạo nghề miễn phí và nhận lao động nghèo vào làm việc để tăng thu nhập cho hộ nghèo, góp phần giảm nghèo nhanh và bền vững theo tinh thần Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19/5/2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020.

3. Đề nghị xem xét lại cơ cấu tổ chức của các cơ quan làm công tác tiếp nhận và cấp phát nguồn vốn hỗ trợ người nghèo nhằm đảm bảo kịp thời, chặt chẽ để tránh thất thoát nguồn vốn hỗ trợ. Đồng thời cần phải hướng dẫn và kiểm tra, giám sát việc phân bổ nguồn vốn, hướng dẫn sử dụng nguồn vốn hỗ trợ đạt hiệu quả (Cử tri tỉnh Trà Vinh - Kiến nghị số 8).

Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo, quy trình lập kế hoạch, lập dự toán, giao kế hoạch, phân bổ vốn và quản lý thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo đang được thực hiện theo Quyết định số 135/2009/QĐ-TTg ngày 04/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia. Đối với các chính sách giảm nghèo, việc phân bổ, quản lý, thanh toán, quyết toán vốn từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Cơ quan quản lý Chương trình mục tiêu quốc gia và các cơ quan đề xuất chính sách giảm nghèo hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chính sách.

Bên cạnh đó, việc quản lý sử dụng và kiểm tra, giám sát nguồn lực thực hiện các chính sách giảm nghèo được đảm bảo theo các nguyên tắc sau:

+ Lồng ghép các nguồn vốn trên địa bàn để thực hiện một hoặc nhiều chương trình, dự án, chế độ, chính sách, nhiệm vụ chi.

+ Phân cấp theo trình độ năng lực quản lý để có cơ chế cấp phát, thanh toán kinh phí phù hợp với tình hình thực tế; chuyển hình thức cấp phát từ hình thức lệnh chi tiền sang hình thức rút dự toán.

+ Tăng cường phân cấp tạo chủ động, tự quyết định cho người dân và chính quyền địa phương trong việc sử dụng, huy động các nguồn lực của địa phương và lồng ghép nguồn vốn, kinh phí các chương trình, dự án, nhiệm vụ, chế độ, chính sách khác trên địa bàn để thực hiện chương trình.

+ Thực hiện quyền kiểm tra, giám sát của Nhà nước thông qua kiểm toán, thanh tra nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước.

Việc hướng dẫn, tuân thủ các quy định, nguyên tắc trên đã góp phần vào việc thực hiện có hiệu quả các chính sách giảm nghèo, đảm bảo việc hỗ trợ đúng đối tượng, đúng mục tiêu của chính sách đã đề ra.

4. Cử tri đề nghị sớm có văn bản hướng dẫn thực hiện chính sách đối với các xã được công nhận là xã bãi ngang ven biển theo Quyết định số 539/QĐ-TTg ngày 01/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ (xã Nam Thái A, huyện An Biên là xã bãi ngang ven biển) (Cử tri tỉnh Kiên Giang- Kiến nghị số 10).

Các xã bãi ngang ven biển được công nhận theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ sẽ được hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu theo quy định; cán bộ, công chức trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn được hưởng phụ cấp chính sách theo quy định tại Nghị định số 116/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Hiện nay, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đang phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng thông tư hướng dẫn thực hiện Dự án hỗ trợ đầu tư cơ

sở hạ tầng các huyện nghèo các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo.

5. Trong những năm qua Nhà nước đã có nhiều chính sách tích cực chăm lo đời sống người dân nhất là hộ nghèo và hộ cận nghèo. Cử tri kiến nghị Chính phủ chỉ đạo mở nhiều lớp đào tạo hướng dẫn khoa học kỹ thuật ứng dụng trong sản xuất phù hợp với trình độ sản xuất của từng địa phương, vùng miền (Cử tri tỉnh Hậu Giang - Kiến nghị số 11).

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2012-2015, trong đó có dự án 3 - Dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo, liên Bộ Tài chính-Lao động-Thương binh và Xã hội đã có Thông tư liên tịch hướng dẫn các địa phương tổ chức triển khai các hoạt động của dự án nhằm nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh và đa dạng hóa về thu nhập cho người nghèo, hộ nghèo; tạo cho người nghèo, hộ nghèo tiếp cận các chính sách, nguồn lực thị trường (thị trường vốn, lao động, đất đai, khoa học kỹ thuật - công nghệ và thị trường hàng hóa đầu vào, đầu ra...) hướng đến phát triển sản xuất và dịch vụ, tăng nhanh thu nhập, góp phần giảm nghèo nhanh và bền vững.

Đồng thời theo tinh thần được phân công tại Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19/5/2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cũng đã ban hành các chính sách do lĩnh vực ngành quản lý để hỗ trợ cho người dân tiếp cận và chuyển giao khoa học kỹ thuật ứng dụng trong sản xuất phù hợp với trình độ sản xuất của từng địa phương, vùng miền.

Việc tổ chức các hình thức tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật phù hợp với trình độ sản xuất của từng địa phương, vùng miền thuộc trách nhiệm cụ thể của các địa phương trong thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững trên địa bàn.

B. Trả lời theo nội dung Công văn số 731/BDN ngày 16/12/2013 của Ban Dân nguyện

1. Về chuẩn nghèo theo Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011-2015, áp dụng tiêu chí hộ nghèo và cận nghèo theo 2 khu vực: thành thị và nông thôn là chưa phù hợp, vì đối với khu vực nông thôn miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn có điều kiện kinh tế - xã hội không giống như nông thôn ở đồng bằng, vùng ven thành thị. Cử tri đề nghị tăng mức chuẩn nghèo phù hợp với thực tế của cuộc sống hiện nay của người dân để việc thực hiện các chính sách đối với hộ nghèo đảm bảo đúng, đủ nhằm tạo điều kiện giúp người dân phấn đấu ổn định cuộc sống, vươn lên thoát nghèo bền vững; đồng thời, nên thực hiện việc định kỳ 03 năm/lần tiến hành thực hiện xem xét lại quy trình tổ chức điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo nhằm đảm bảo việc điều tra thống kê được chính xác. Một trong số tiêu chuẩn bình xét hộ nghèo hiện nay có tiêu chí đông con nên một số hộ dân có tình sinh thêm con để hưởng chế độ của hộ nghèo. Như vậy, lại mâu thuẫn với chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình. Đề nghị nên có các chế độ dành

cho hộ nghèo hợp lý, để họ vươn lên thoát nghèo, tránh tình trạng phát sinh tâm lý chây lười, ỷ lại, trông chờ các chính sách ưu đãi của Nhà nước (Cử tri các tỉnh Quảng Ngãi, Bến Tre, Quảng Nam, Tiền Giang, Quảng Trị, Lâm Đồng - Kiến nghị số 176, 177, 178, 184, 185).

Chuẩn nghèo hiện hành theo Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ là căn cứ để nghiên cứu, xây dựng và thực hiện các chính sách giảm nghèo an sinh xã hội và các chính sách kinh tế - xã hội khác của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn 2011- 2015. Tuy nhiên, ngay từ khi ban hành chuẩn nghèo năm 2011 thì chuẩn nghèo cũng đã thấp so với thực tế lúc đó. Việc xác định chuẩn nghèo như vậy là để xác định nhóm người nghèo nhất cần ưu tiên hỗ trợ trước phù hợp với khả năng ngân sách nhà nước. Đến nay, do ảnh hưởng từ tình hình lạm phát và suy thoái của nền kinh tế nước ta trong những năm gần đây, trên thực tế mức chuẩn nghèo hiện hành theo Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg càng không còn phù hợp vì không được cập nhật chỉ số trượt giá hàng năm (CPI). Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cũng đã nghiên cứu, tìm kiếm các giải pháp tháo gỡ, cụ thể như sau:

Tại công văn số 3461/LĐTBXH-BTXH ngày 14/10/2011 về việc hướng dẫn các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương quy trình tổ chức điều tra, rà soát hộ nghèo, cận nghèo năm 2011, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã hướng dẫn các địa phương thử nghiệm phương pháp xác định các hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn theo hướng cập nhật chỉ số giá tiêu dùng (CPI) năm 2011 do Tổng cục Thống kê công bố vào quy trình điều tra, rà soát. Tuy nhiên, do phương pháp tiếp cận còn khá mới và khó khăn chung về nhân sự, tài chính nên nhiều địa phương chưa thể thực hiện được theo phương pháp này.

Đối với các tiêu chí trong Bộ công cụ điều tra, xác định hộ nghèo và hộ cận nghèo áp dụng chung trên cả nước, trong tổ chức thực hiện hàng năm, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã tiếp thu phản ánh của các địa phương và có công văn hướng dẫn bổ sung gửi các địa phương trước thời điểm xây dựng kế hoạch điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm trên địa bàn.

Theo chỉ đạo của Quốc hội, Chính phủ, từ nay đến năm 2015 vẫn tiếp tục áp dụng chuẩn nghèo quy định tại Quyết định 09/2011/QĐ-TTg để phù hợp với khả năng cân đối ngân sách; đồng thời, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đang phối hợp với các Bộ, ngành tổ chức nghiên cứu đề án đổi mới phương pháp tiếp cận từ nghèo đơn chiều sang nghèo đa chiều nhằm bảo đảm sự công bằng, hạn chế bỏ sót đối tượng, làm cơ sở nghiên cứu, xây dựng các chính sách giảm nghèo sau năm 2015.

2. Đề nghị Chính phủ bỏ quy định về chuẩn hộ cận nghèo, vì chỉ chênh 1.000 đồng nhưng khó có điều kiện hỗ trợ, tạo tâm lý so bì giữa hộ cận nghèo và hộ nghèo mà cần tập trung hỗ trợ cho hộ nghèo, nếu họ thoát nghèo thì tiếp tục hỗ trợ thêm từ 2-3 năm để họ thoát nghèo bền vững (Cử tri tỉnh An Giang - Kiến nghị số 179).

Thực tế, trong việc xác định hộ nghèo và hộ cận nghèo luôn luôn tồn tại điểm chuyển tiếp giữa khoảng cách từ hộ nghèo lên hộ cận nghèo, cho dù chuẩn nghèo có được nâng lên cao bao nhiêu thì điểm tiếp nối này vẫn luôn tồn tại. Việc qui định chuẩn hộ cận nghèo nhằm xác định nhóm hộ tuy có mức sống cao hơn hộ nghèo nhưng thực tế vẫn rất khó khăn để có chính sách hỗ trợ giúp đỡ, đảm bảo cho họ không rơi xuống nghèo, thoát nghèo bền vững. Phân biệt như vậy nhằm bảo đảm sự công bằng hơn trong thực hiện chính sách an sinh xã hội và giảm nghèo ai khó khăn nhiều thì giúp đỡ, hỗ trợ nhiều; ai khó khăn ít hơn thì giúp đỡ, hỗ trợ ít hơn và tất cả đều phải phù hợp với khả năng về nguồn lực của nhà nước; khi chuyển sang phương pháp tiếp cận đo lường nghèo từ đơn chiều sang đa chiều, sẽ khắc phục được sự hạn chế này.

3. Kiến nghị Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội tham mưu cho Chính phủ xây dựng, ban hành chính sách hỗ trợ mới cần mở rộng đối tượng là hộ mới thoát nghèo và hộ cận nghèo để khuyến khích, động viên hộ thoát nghèo bền vững. Hiện nay, đời sống của các hộ cận nghèo còn rất khó khăn tuy nhiên mức hỗ trợ các hộ cận nghèo lại rất thấp, đề nghị tiếp tục xem xét tăng mức hỗ trợ đối với các hộ cận nghèo để phát triển kinh tế, không tái nghèo vì thu nhập của hộ cận nghèo không cách biệt nhiều so với hộ nghèo. Mức hỗ trợ cho các hộ nghèo phát triển kinh tế hộ gia đình còn thấp (80.000đ/nhân khẩu), chưa phát huy hiệu quả; đề nghị tập trung kinh phí đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng, đồng thời tiếp tục quan tâm công tác đào tạo nghề cho người nông dân phù hợp với tình hình phát triển kinh tế của địa phương để người dân thoát nghèo bền vững. Đề nghị nghiên cứu sớm ban hành chính sách hỗ trợ mang tính dài hạn để giảm nghèo bền vững, tránh tái nghèo; có chính sách đặc thù và ưu đãi hơn đối với các huyện miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có đông đồng bào dân tộc. Nguồn vốn tín dụng ưu đãi thực hiện các dự án xóa đói, giảm nghèo đảm bảo đủ nguồn vốn, lãi suất phù hợp. Cử tri kiến nghị cần có đánh giá toàn diện về chính sách xóa đói, giảm nghèo để có giải pháp thiết thực hơn trong công tác này. Đề nghị phải có tiêu chí quy định rất cụ thể trong việc xét duyệt đối với hộ nghèo và nên loại trừ các trường hợp hộ gia đình không chịu làm ăn, chỉ ăn chơi, cờ bạc mà bị nghèo thì không thuộc đối tượng được nhận hỗ trợ từ Nhà nước thông qua các chính sách giảm nghèo. Chính sách đối với người nghèo hiện nay vẫn chủ yếu là hỗ trợ trực tiếp vật chất, trợ cấp, chứ chưa mang tính định hướng, hỗ trợ nguồn lực. Đề nghị điều chỉnh chính sách đối với người nghèo theo hướng tập trung hỗ trợ phát triển sản xuất, không hỗ trợ dàn trải; kéo dài thời gian hưởng các chính sách hỗ trợ về bảo hiểm y tế, vay vốn, hỗ trợ học tập, vốn phát triển sản xuất sau khi thoát nghèo; đồng thời, hỗ trợ các hộ nghèo với điều kiện trong thời gian nhất định cam kết vươn lên thoát nghèo (*Cử tri các tỉnh Bình Định, Lạng Sơn, Cần Thơ, Quảng Nam, Điện Biên, Tuyên Quang, Lạng Sơn, An Giang, Tây Ninh - Kiến nghị số 186, 187, 189, 191, 192, 193*).

Ngày 22 tháng 4 năm 2013, Ban Chi đạo Trung ương về giảm nghèo đã tổ chức Hội nghị giao ban trực tuyến với các địa phương sơ kết 02 năm thực hiện

Nghị quyết 80/NQ-CP, tại Hội nghị, Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Văn Ninh, Trưởng Ban Chỉ đạo đã kết luận:

- Việc hỗ trợ của Nhà nước là cần thiết và quan trọng nhưng cần xác định xóa đói giảm nghèo là việc của bản thân người dân, phải làm cho người dân tự giác, chủ động thực hiện và có trách nhiệm hơn nữa để vươn lên thoát nghèo;

- Các Bộ, ngành tiếp tục tổ chức rà soát, xây dựng cơ chế, chính sách giảm nghèo đảm bảo sự thống nhất, những chính sách phát huy hiệu quả tiếp tục duy trì, đẩy mạnh; các chính sách còn hạn chế, vướng mắc cần được khẩn trương nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung để phù hợp với thực tế;

- Việc xây dựng các chính sách hỗ trợ mới cần theo hướng: mở rộng các chính sách hỗ trợ đối với hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; các chính sách cần được thiết kế theo nguyên tắc: hộ nghèo được ưu tiên nhất xong mới đến hộ mới thoát nghèo, hộ cận nghèo.

Hiện nay, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đang phối hợp với các Bộ, ngành để triển khai ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức rà soát, bổ sung, sửa đổi hệ thống chính sách giảm nghèo theo hướng phù hợp, hiệu quả hơn như ý kiến cử tri đã nêu.

(Đến nay đã có các chính sách hỗ trợ cho hộ cận nghèo như: Quyết định số 15/2013/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2013 về tín dụng đối với hộ cận nghèo; Quyết định số 705/QĐ-TTg ngày 8/5/2013 về việc nâng mức hỗ trợ đồng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng thuộc hộ gia đình cận nghèo).

4. Cử tri đề nghị gom các nguồn lực cho công tác giảm nghèo tập trung lại một đầu mối để dễ quản lý và hỗ trợ không dàn trải, nhỏ lẻ, manh mún, nhằm tránh tâm lý ỷ lại của người dân. Đồng thời, cần ban hành qui định về cơ chế đặc thù cho thực hiện chương trình mục tiêu giảm nghèo đối với 6 xã bãi ngang ven biển tỉnh Kiên Giang. Đối với các xã bãi ngang ven biển, cử tri đề nghị: quan tâm miễn, giảm học phí đối với học sinh, sinh viên; giảm tiền mua bảo hiểm y tế tự nguyện. Chính sách xã bãi ngang là một chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước, vì những xã này đời sống của nhân dân còn nghèo, cơ sở vật chất còn khó khăn, những chế độ phụ cấp cho cán bộ, công chức, người lao động của vùng này là không hợp lý. Cử tri đề nghị các khoản chế độ này nên đầu tư sang cơ sở hạ tầng xã bãi ngang là hợp lý nhất (Cử tri các tỉnh Kiên Giang, Quảng Nam, Phú Yên - Kiến nghị số 182, 183, 227).

Xóa đói giảm nghèo là chủ trương lớn, nhất quán của Đảng và Nhà nước nhằm cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho người nghèo, thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển giữa các vùng, địa bàn và giữa các dân tộc, nhóm dân cư. Trên tinh thần đó, ngày 01/4/2013 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 539/QĐ-TTg về việc phê duyệt Danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2013-2015. Các xã bãi ngang ven biển theo quy định sẽ được hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, kinh doanh và dân sinh để góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội đồng thời cũng được hưởng các chính sách hỗ trợ khác theo quy định.

5. Đề nghị Chính phủ cho tách hộ nghèo thuộc đối tượng già yếu, bệnh tật không còn sức lao động (Kiên Giang có 6.616 hộ) chuyển sang đối tượng nhận trợ cấp xã hội vĩnh viễn vì các hộ này không thể thoát nghèo (Cử tri tỉnh Kiên Giang - Kiến nghị số 180).

Hiện nay, trong chính sách bảo trợ xã hội, một số nhóm đối tượng đang gắn với điều kiện thuộc hộ gia đình nghèo, nếu tách đối tượng này ra khỏi hộ nghèo thì họ sẽ không được hưởng các chính sách trợ giúp của nhà nước; tuy nhiên trong chỉ đạo thực tiễn, các địa phương cần bóc tách nhóm đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo riêng để có giải pháp trợ giúp phù hợp. Vấn đề này sẽ được khắc phục khi chuyển sang tiếp cận đo lường nghèo từ đơn chiều sang đa chiều.

6. Cử tri phản ánh: một số hộ lợi dụng chính sách hỗ trợ hộ nghèo của Chính phủ, tách 1 hộ thành nhiều hộ để được hưởng lợi. Đề nghị ban hành quy định để hạn chế tình trạng trên (Cử tri tỉnh Kiên Giang-Kiến nghị số 181).

Trong thực tế, việc tách hộ là nhu cầu thường xuyên trong cộng đồng dân cư, tuy nhiên việc tách hộ phải đảm bảo tuân thủ đúng qui định của pháp luật, tránh tình trạng lợi dụng để thụ hưởng chính sách. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hàng năm đều có công văn hướng dẫn bổ sung gửi các địa phương trước thời điểm xây dựng kế hoạch điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn, đồng thời chỉ đạo các địa phương đẩy mạnh công tác truyền thông, giám sát đến tận cơ sở để người dân hiểu được việc hỗ trợ của Nhà nước là cần thiết và quan trọng nhưng cần xác định xóa đói giảm nghèo là việc của bản thân người dân, phải làm cho người dân tự giác, chủ động thực hiện và có trách nhiệm hơn nữa để vươn lên thoát nghèo.

7. Cử tri đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ, ngành sớm có văn bản hướng dẫn đối tượng thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp và ngư nghiệp có mức sống trung bình để thực hiện chế độ bảo hiểm y tế theo Khoản 22 Điều 12 Luật Bảo hiểm y tế (Cử tri tỉnh Sóc Trăng - Kiến nghị số 203).

Về vấn đề này, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã tiến hành xin ý kiến các Bộ, ngành liên quan và xin ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp để trình Chính phủ ban hành tiêu chí hộ gia đình có mức sống trung bình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp làm cơ sở thực hiện chế độ bảo hiểm y tế. Hiện nay, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội đang tổng hợp ý kiến thực tiễn từ các địa phương và tổng hợp trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

8. Đề nghị có chính sách hỗ trợ bảo hiểm y tế cho những hộ vừa thoát nghèo để đối tượng này có đủ điều kiện đảm bảo cuộc sống, không nghèo trở lại (Cử tri tỉnh Bình Thuận - Kiến nghị số 204).

Chính phủ đã ban hành Quyết định 705/QĐ-TTg ngày 8/5/2013 về việc nâng mức hỗ trợ bảo hiểm y tế cho một số đối tượng người thuộc hộ gia đình cận nghèo; Quyết định 538/QĐ-TTg ngày 29/3/2013 về Phê duyệt Đề án thực hiện lộ trình tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân giai đoạn 2012-2015 và 2020, trong có nội

dung hỗ trợ 100% mức đóng BHYT đối với người thuộc hộ cận nghèo, người thuộc hộ gia đình đã thoát nghèo trong 5 năm đầu.

9. Đề nghị tăng nguồn đầu tư kinh phí trung ương cho các địa phương để tổ chức triển khai thực hiện các chính sách, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2012-2015 (Cử tri tỉnh An Giang - Kiến nghị số 219).

Kinh phí thực hiện các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2012-2015 hàng năm và cả giai đoạn đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 1489/QĐ-TTg ngày 8/10/2012 và Quyết định 826/QĐ-TTg ngày 29/5/2013 theo hướng: ưu tiên kinh phí giảm nghèo tập trung đầu tư cho các huyện nghèo, xã nghèo, thôn bản đặc biệt khó khăn; những địa phương tự cân đối được ngân sách, mức độ khó khăn ít hơn sẽ bố trí ngân sách địa phương, huy động, lồng ghép nguồn lực từ các chương trình khác để thực hiện các chính sách, dự án giảm nghèo trên địa bàn.

10. Đề nghị xem xét hỗ trợ toàn bộ tiền điện cho hộ nghèo vì hiện nay 30.000 đồng/hộ/tháng là rất thấp và tiền hỗ trợ về địa phương rất chậm, cách 6 tháng mới có tiền chi (Cử tri tỉnh Lạng Sơn - Kiến nghị số 190).

Nội dung kiến nghị này của cư tri thuộc lĩnh vực của Bộ Tài chính, đề nghị Ban Dân nguyện chuyển câu hỏi tới Bộ Tài chính nghiên cứu, trả lời.

II. VỀ CHÍNH SÁCH BẢO TRỢ XÃ HỘI

1. Cử tri đề nghị tiếp tục có những chính sách đồng bộ kịp thời để giải quyết các vấn đề an sinh xã hội, đặc biệt là chính sách để đảm bảo thu nhập cho các đối tượng nghèo, đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trong xã hội (Cử tri tỉnh Hải Dương - Kiến nghị số 140).

Từ nhiều năm qua, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách xã hội, coi đây vừa là mục tiêu, vừa là động lực để phát triển bền vững, ổn định chính trị - xã hội, thể hiện bản chất tốt đẹp của chế độ ta. Hệ thống pháp luật và chính sách phát triển các lĩnh vực xã hội ngày càng được bổ sung và hoàn thiện. Diện thụ hưởng chính sách ngày càng mở rộng, mức hỗ trợ được nâng lên. Nguồn lực đầu tư phát triển các lĩnh vực xã hội ngày càng lớn, được tăng cường đầu tư từ ngân sách nhà nước và các nguồn lực xã hội khác. Tuy nhiên, lĩnh vực xã hội vẫn còn nhiều hạn chế, một số mặt yếu kém kéo dài, chậm được khắc phục. Tạo việc làm và giảm nghèo chưa bền vững, tỷ lệ hộ cận nghèo, tái nghèo còn cao. Mức trợ cấp xã hội còn thấp. Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế còn thấp. Đời sống của một bộ phận người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số vẫn còn rất khó khăn, chưa bảo đảm được mức tối thiểu các dịch vụ xã hội cơ bản, nhất là về nhà ở và sử dụng nước sạch.

Trước những thách thức của tình hình mới, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI đã ban hành Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 01/6/2012 một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012- 2020, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 70/NQ-CP ngày 01/11/2012 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ

thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW; trong đó xác định việc bảo đảm an sinh xã hội là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách hiện nay. Các chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020 được cụ thể hóa và tổ chức thực hiện thông qua các nghị quyết chuyên đề, các nghị quyết phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và các chương trình mục tiêu quốc gia theo đúng tinh thần Nghị quyết Đại hội XI của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020. Cụ thể như sau:

1. Về việc làm, thu nhập và giảm nghèo: Tiếp tục hoàn thiện và thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo việc làm, học nghề, đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài, ưu tiên người nghèo, người dân tộc thiểu số thuộc các huyện nghèo, xã nghèo, thôn bản đặc biệt khó khăn. Xây dựng và triển khai Luật Việc làm; khẩn trương nghiên cứu xây dựng Chương trình việc làm công. Phần đầu đến năm 2020, tỉ lệ thất nghiệp chung dưới 3%; tỉ lệ thất nghiệp thành thị dưới 4%.

Đẩy mạnh việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Chính phủ và Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo, trong đó chú trọng các chính sách giảm nghèo đối với các huyện nghèo, ưu tiên người nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số thuộc huyện nghèo, xã biên giới, xã an toàn khu, xã, thôn bản đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang ven biển, hải đảo, thu hẹp chênh lệch về mức sống và an sinh xã hội so với bình quân cả nước. Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung chính sách hỗ trợ hộ cận nghèo để giảm nghèo bền vững. Phần đầu đến năm 2020, thu nhập bình quân đầu người của hộ nghèo tăng trên 3,5 lần so với năm 2010, tỉ lệ hộ nghèo cả nước giảm 1,5 - 2%/năm; các huyện, xã có tỉ lệ nghèo cao giảm 4%/năm theo chuẩn nghèo từng giai đoạn.

2. Nghiên cứu, sửa đổi Luật Bảo hiểm xã hội theo hướng mở rộng đối tượng. Hoàn thiện chính sách, pháp luật và cơ chế quản lý Quỹ bảo hiểm xã hội để bảo đảm yêu cầu cân đối và tăng trưởng của Quỹ bảo hiểm xã hội. Nghiên cứu xây dựng chính sách khuyến khích nông dân, lao động trong khu vực phi chính thức tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện. Rà soát, bổ sung quy định buộc người sử dụng lao động phải đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động theo quy định của pháp luật. Phần đầu đến năm 2020 có khoảng 50% lực lượng lao động tham gia bảo hiểm xã hội; 35% lực lượng lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp.

3. Nâng cao hiệu quả công tác trợ giúp xã hội, tiếp tục mở rộng đối tượng thụ hưởng với hình thức hỗ trợ thích hợp; nâng dần mức trợ cấp xã hội thường xuyên phù hợp với khả năng ngân sách nhà nước. Xây dựng mức sống tối thiểu phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội làm căn cứ xác định người thuộc diện được hưởng trợ giúp xã hội. Tiếp tục hoàn thiện chính sách trợ giúp xã hội. Củng cố, nâng cấp hệ thống cơ sở bảo trợ xã hội, phát triển mô hình chăm sóc người có hoàn cảnh đặc biệt tại cộng đồng, khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân vào triển khai các mô hình chăm sóc người cao tuổi, trẻ mồ côi, người khuyết tật, nhất là mô hình nhà dưỡng lão.

Thực hiện tốt công tác hỗ trợ đột xuất, bảo đảm người dân bị thiệt hại khi gặp rủi ro, thiên tai được hỗ trợ kịp thời. Hoàn thiện cơ chế, chính sách và phương

thức tổ chức thực hiện, nâng cao hiệu quả hoạt động trợ giúp đột xuất; mở rộng sự tham gia hỗ trợ của cộng đồng.

4. Tập trung triển khai thực hiện tốt Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng. Tiếp tục hoàn thiện chính sách đối với người có công, chú trọng giải quyết những trường hợp còn tồn đọng. Nâng mức chuẩn trợ cấp, phụ cấp ưu đãi người có công phù hợp với lộ trình điều chỉnh mức lương tối thiểu. Hỗ trợ giải quyết cơ bản về nhà ở đối với hộ người có công đang có khó khăn về nhà ở. Có chính sách ưu đãi, hỗ trợ phù hợp đối với người có công và thân nhân về phát triển sản xuất, việc làm, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, nhất là y tế, giáo dục, đào tạo. Đẩy mạnh việc tu bổ nghĩa trang, tìm kiếm và quy tập hài cốt liệt sĩ, các hoạt động đền ơn đáp nghĩa. Có biện pháp khắc phục có hiệu quả tiêu cực trong quá trình thực hiện chính sách người có công.

2. Kiến nghị về nâng mức trợ cấp, mở rộng đối tượng, hạ độ tuổi đối với người cao tuổi được hưởng trợ cấp xã hội xuống 75 tuổi (*Cử tri các tỉnh yên Bái, Bình Dương, Cà Mau, Ninh Thuận, Trà Vinh, Bạc Liêu, Long An, Bến Tre, Thành phố Hồ Chí Minh, Thái Bình, Bắc Giang, Tây Ninh, Vĩnh Long, Hải Dương, Lạng Sơn, Khánh Hòa, Kon Tum, Bình Thuận, Điện Biên, Phú Yên, Bắc Kạn, Lai Châu, Bình Phước, An Giang, Tuyên Quang - Kiến nghị số 141, 143, 144, 145, 146, 147, 148, 149, 150, 152, 153, 154, 155, 156, 157, 158, 159, 160, 161, 162, 163, 164, 165, 166, 167, 168, 169, 170, 175*).

Về nâng mức trợ cấp hàng tháng cho người cao tuổi, đối tượng bảo trợ xã hội

Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội đã trình Chính phủ từng bước điều chỉnh mức trợ cấp cho người cao tuổi, đối tượng bảo trợ xã hội phù hợp với điều kiện thực tế. Cụ thể, ngày 8/4/1994 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 167/QĐ-TTg quy định mức trợ cấp tối thiểu 24.000 đồng/người/tháng; ngày 9/3/2000 Chính phủ ban hành Nghị định số 07/2000/NĐ-CP quy định mức trợ cấp tối thiểu 45.000 đồng/người/tháng; ngày 27/2/2010 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 13/2010/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13/4/2007 về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội với mức chuẩn trợ cấp là 180.000 đồng/người/tháng. Mới đây, ngày 21/10/2013 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 136/2013/NĐ-CP quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội thay thế Nghị định số 67/2007/NĐ-CP, Nghị định số 13/2010/NĐ-CP với mức chuẩn trợ cấp được nâng lên 270.000 đồng/người/tháng. Nhưng hiện nay có một số khó khăn nên Chính phủ đã ra Nghị quyết 142/NQ-CP ngày 31/12/2013 lui thời gian thực hiện Nghị định 136/2013/NĐ-CP, Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội và các Bộ, ngành liên quan sẽ trình Chính phủ thực hiện trong thời gian phù hợp.

Về mở rộng đối tượng người cao tuổi được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng

- Về hạ độ tuổi hưởng trợ cấp cho người từ đủ 80 tuổi xuống 75 tuổi

Về hạ độ tuổi hưởng chính sách trợ cấp xã hội đối với người cao tuổi, trong thời gian vừa qua Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội đã 3 lần trình Chính phủ ban hành: (i) Nghị định số 30/2002/NĐ-CP ngày 26/3/2002 quy định Người cao tuổi từ 90 tuổi trở lên được hưởng trợ cấp xã hội, (ii) Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13/4/2007 quy định giảm độ tuổi người cao tuổi xuống còn 85 tuổi; (iii) Nghị định số 06/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người cao tuổi một lần nữa giảm độ tuổi người cao tuổi được hưởng trợ cấp xã hội xuống còn 80 tuổi, đây là cố gắng rất lớn của Chính phủ trong thời điểm nền kinh tế, nguồn thu ngân sách đang khó khăn. Đồng thời, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội đã trình Chính phủ ban hành nhiều chính sách hỗ trợ đối với các hộ gia đình thuộc vùng nghèo, vùng sâu, vùng xa có hoàn cảnh khó khăn, trong đó nhiều hộ có người cao tuổi, như chính sách hỗ trợ tiền điện, hỗ trợ gạo... đã góp phần bảo đảm đời sống cho các hộ gia đình. Trong thời gian tới, khi điều kiện kinh tế cho phép, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sẽ phối hợp với các Bộ, ngành nghiên cứu báo cáo Chính phủ để trình Quốc hội sửa Luật Người cao tuổi, trong đó có việc hạ độ tuổi người cao tuổi được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng từ 80 tuổi xuống 75 tuổi.

- Về đề nghị người từ đủ 75 tuổi đang hưởng các chính sách bảo hiểm xã hội, người có công đều được hưởng chính sách bảo trợ xã hội

Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với người cao tuổi đã được thể hiện cụ thể thông qua Luật Người cao tuổi, theo đó tại Điều 17 của Luật Người cao tuổi thì đối tượng được hưởng chính sách bảo trợ xã hội gồm:

(i) Người cao tuổi thuộc hộ gia đình nghèo không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng hoặc có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng nhưng người này đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng;

(ii) Người từ đủ 80 tuổi trở lên không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này mà không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp xã hội hàng tháng”.

Đối tượng người cao tuổi kể trên là những người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn nhất nên được Nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí để cải thiện đời sống. Còn đối tượng là người về hưu, nghỉ mất sức lao động từ 75 tuổi trở lên chưa thuộc đối tượng được hưởng chính sách bảo trợ xã hội một phần là do ngân sách nhà nước hiện nay chưa bố trí được. Hơn nữa, người về hưu, nghỉ mất sức lao động từ 75 tuổi trở lên đã có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội thì cuộc sống cũng ít khó khăn hơn nên không thuộc đối tượng được hưởng chính sách bảo trợ xã hội.

3. Cũ tri đề nghị bổ sung đối tượng câm, điếc được hưởng trợ cấp xã hội theo Nghị định số 13/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số chế độ, trợ cấp đối với đối tượng cứu trợ xã hội (Cũ tri tỉnh Bến Tre - Kiến nghị số 142).

Luật Người khuyết tật năm 2010 đã quy định cụ thể về các dạng khuyết tật (khuyết tật vận động; khuyết tật nghe, nói; khuyết tật nhìn; khuyết tật thần kinh,

tâm thần; khuyết tật trí tuệ; khuyết tật khác) và mức độ khuyết tật (người khuyết tật đặc biệt nặng; người khuyết tật nặng; người khuyết tật nhẹ) cũng như quy định chính sách bảo trợ xã hội đối với người khuyết tật, đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng bao gồm: người khuyết tật đặc biệt nặng và người khuyết tật nặng. Đối với đối tượng cảm giác (khuyết tật nghe, nói) tùy thuộc vào mức độ khuyết tật sẽ được trợ cấp xã hội hàng tháng, vì vậy không cần thiết bổ sung đối tượng cảm, giác được hưởng trợ cấp xã hội theo Nghị định số 13/2010/NĐ-CP.

4. Cử tri hoan nghênh Quốc hội đã thông qua Luật Người cao tuổi có hiệu lực từ ngày 1/07/2010. Tuy nhiên, theo Nghị định 06/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người cao tuổi, tại Khoản 1 Điều 5 quy định: “Giảm giá vé, giá dịch vụ khi sử dụng một số dịch vụ: 1. Người cao tuổi được giảm ít nhất 15% giá vé, dịch vụ khi tham gia giao thông bằng tàu thủy chở khách, tàu hỏa chở hàng, máy bay chở khách”. Cử tri đề nghị Chính phủ xem xét bổ sung thêm việc giảm giá vé đối với phương tiện ô tô, xe buýt công cộng để tạo điều kiện cho người cao tuổi đi lại thuận lợi (Cử tri tỉnh Quảng Ngãi - Kiến nghị số 171)

Về việc giảm giá vé cho người cao tuổi khi tham gia giao thông bằng phương tiện ô tô, xe buýt công cộng, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội sẽ phối hợp với các Bộ, ngành nghiên cứu, xem xét, tính tới phương án bổ sung khi điều kiện cho phép.

5. Đề nghị Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ, ngành liên quan sớm ban hành quy định xử lý hành vi vi phạm quyền và lợi ích hợp pháp của người cao tuổi như không giảm giá vé tàu xe, một số giá dịch vụ (Cử tri tỉnh Thái Nguyên - Kiến nghị số 172).

Ngày 29/10/2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 144/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo trợ xã hội, cứu trợ xã hội và bảo vệ chăm sóc trẻ em trong đó có các quy định xử lý hành vi vi phạm quyền và lợi ích hợp pháp của người cao tuổi.

6. Cử tri đề nghị nhà nước quan tâm hơn nữa đến đời sống của người già neo đơn, không nơi nương tựa, trẻ em mồ côi, giải quyết chính sách kịp thời cho các đối tượng trên (Cử tri tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, An Giang, thành phố Hồ Chí Minh - Kiến nghị số 173).

Chính phủ đã ban hành Nghị định 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 quy định mức chuẩn trợ cấp là 270.000 đồng/người/tháng (gấp 1,5 lần so với mức trợ cấp hiện nay) cho các đối tượng bảo trợ xã hội, trong đó có người già neo đơn, không nơi nương tựa, trẻ em mồ côi.

7. Về chính sách người cao tuổi, đề nghị Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội cải cách thủ tục kê khai để hưởng trợ cấp vì biểu mẫu kê khai số 1 của Nghị định 06 và Thông tư số 17 của Bộ còn rườm rà gây khó khăn trong việc kê khai. Đề nghị hạ thấp độ tuổi để được hưởng chính sách xã hội người cao tuổi xuống 75 (Cử tri tỉnh Trà Vinh - Kiến nghị số 174).

Theo Điều 1 Thông tư số 17/2011/TT-BLĐTBXH ngày 19/5/2011 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định hồ sơ, thủ tục thực hiện trợ cấp xã hội hằng tháng, hỗ trợ chi phí mai táng và tiếp nhận người cao tuổi vào cơ sở bảo trợ xã hội thì để được hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng, người cao tuổi hoặc gia đình, người thân, người giám hộ người cao tuổi kê khai đầy đủ thông tin vào Tờ khai thông tin của người cao tuổi (Mẫu số 01) và có bản sao chứng minh thư nhân dân hoặc bản sao sổ hộ khẩu gửi Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn. Theo quy định này, hồ sơ thực hiện trợ cấp xã hội đối với người cao tuổi đã được hoàn thiện theo hướng đơn giản, để thực hiện để tạo thuận lợi cho người cao tuổi trong quá trình thụ hưởng chính sách. Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội sẽ tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, sửa đổi để đơn giản hóa hồ sơ, thủ tục thực hiện chính sách trợ cấp xã hội đối với người cao tuổi.

Về vấn đề hạ độ tuổi để được hưởng chính sách bảo trợ xã hội, như đã trả lời các kiến nghị ở trên, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sẽ phối hợp với các Bộ, ngành nghiên cứu việc hạ độ tuổi người cao tuổi được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng từ 80 tuổi xuống 75 tuổi phù hợp với điều kiện của ngân sách để trình Chính phủ, Quốc hội xem xét quyết định.

8. Đề nghị xem xét, triển khai văn bản kịp thời về việc rà soát cứu đói, giáp hạt, hộ nghèo, cận nghèo hàng năm, đồng thời tăng thời gian cho công tác rà soát nhằm đảm bảo tính chính xác, kịp thời (Cử tri tỉnh An Giang - Kiến nghị số 188).

Năm 2013, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã có Công văn số 4735/LĐTBXH-BTXH ngày 29/11/2013 chỉ đạo các địa phương rà soát, đánh giá tình hình đời sống nhân dân, tổng hợp số hộ, số khẩu có nguy cơ thiếu đói trong dịp Tết Nguyên Đán và giáp hạt đầu năm 2014; chủ động sử dụng ngân sách địa phương hỗ trợ kịp thời cho các đối tượng thiếu đói, bảo đảm không để người dân nào bị đói, không có Tết. Trường hợp địa phương khó khăn không tự giải quyết được thì kịp thời đề nghị Trung ương hỗ trợ, nhất là những địa phương bị thiệt hại nặng do thiên tai.

Bên cạnh đó, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội cũng đề nghị các địa phương báo cáo kết quả rà soát và gửi văn bản đề nghị hỗ trợ gạo của Ủy ban nhân dân tỉnh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính và Văn phòng Chính phủ trước ngày 25/12/2013 (trước Tết Nguyên Đán hơn 1 tháng) để tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định; đã bảo đảm thời gian để các địa phương triển khai cấp phát gạo hỗ trợ cho nhân dân trước Tết Nguyên Đán.

9. Đề nghị tăng cường chế độ, chính sách trợ cấp đối với đối tượng người bị mắc bệnh tâm thần, không có khả năng lao động, hộ nghèo, dân tộc thiểu số (Cử tri tỉnh Hòa Bình - Kiến nghị số 201).

Theo quy định của Luật Người khuyết tật, người mắc bệnh tâm thần là một dạng khuyết tật (khuyết tật thần kinh, tâm thần). Chế độ chính sách trợ cấp đối với người khuyết tật đã được quy định chi tiết tại Luật Người khuyết tật và các văn bản hướng dẫn thi hành. Bên cạnh đó Chính phủ đã ban hành Quyết định số

1215/QĐ-TTg ngày 26/4/2011 phê duyệt Đề án trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng giai đoạn 2012-2020. Các chính sách cho người khuyết tật nói chung và người tâm thần nói riêng đang từng bước đảm bảo quyền lợi và thúc đẩy sự hòa nhập của người khuyết tật trong xã hội.

10. Đề nghị Chính phủ sớm ban hành Nghị định về chính sách đối với đối tượng bảo trợ xã hội thay thế Nghị định 67/2007/NĐ-CP và Nghị định 13/2010/NĐ-CP đối tượng bảo trợ xã hội (Cử tri tỉnh Hà Giang - Kiến nghị số 202).

Ngày 21/10/2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 136/2013/NĐ-CP quy định chính sách về đối tượng bảo trợ xã hội thay thế Nghị định 67/2007/NĐ-CP, Nghị định 13/2010/NĐ-CP và sẽ có hiệu lực trong thời gian thích hợp.

11. Cử tri kiến nghị Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ hơn nữa cho các cán bộ nhân viên làm việc tại các Trung tâm bảo trợ xã hội (Cử tri tỉnh Bình Dương - Kiến nghị số 205).

Trong giai đoạn vừa qua, Chính phủ đã ban hành một số văn bản quy phạm pháp luật quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức công tác tại các đơn vị sự nghiệp công lập, gồm: Nghị định số 56/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức công tác tại các cơ sở y tế công lập, Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật, trong đó quy định chế độ phụ cấp và chính sách ưu đãi đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật. Theo những quy định trên, cán bộ, nhân viên làm việc tại các cơ sở bảo trợ xã hội là nhân viên y tế, nhà giáo, nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật được áp dụng chế độ phụ cấp, chính sách ưu đãi.

Theo phản ánh của các địa phương, đa số cán bộ, nhân viên làm việc tại các Trung tâm Bảo trợ xã hội không thuộc đối tượng được áp dụng các chế độ phụ cấp nêu trên. Hiện nay, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội đang phối hợp với Bộ Nội vụ và các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu, xây dựng chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức làm việc tại các cơ sở cung cấp dịch vụ công tác xã hội (bao gồm các Trung tâm bảo trợ xã hội). Tuy nhiên, Kết luận số 23-KL/TW ngày 29/5/2012 của Ban chấp hành Trung ương tại Hội nghị lần thứ 5, khóa XI về một số vấn đề về tiền lương, bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và định hướng cải cách đến năm 2020 đã quy định chưa bổ sung các loại phụ cấp theo ngành nghề trong giai đoạn hiện nay. Do vậy, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội sẽ phối hợp với Bộ Nội vụ trình Chính phủ xem xét, ban hành Nghị định quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức công tác xã hội tại thời điểm thích hợp trong giai đoạn tới.

12. Đề nghị Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội tham mưu cho Chính phủ có chính sách hỗ trợ cho các đối tượng người có công, người nghèo,

người tàn tật bị thiệt hại nặng do bão số 10 gây ra ở miền Trung (Cử tri tỉnh Quảng Bình - Kiến nghị số 211).

Theo quy định tại Nghị định 67/2007/NĐ-CP ngày 13/4/2007, Nghị định 13/2010/NĐ-CP ngày 27/2/2010 tất cả các đối tượng gặp khó khăn (không phân biệt đối tượng) do hậu quả của thiên tai, hỏa hoạn hoặc những lý do bất khả kháng gây ra đều được hưởng chính sách trợ giúp đột xuất (01 lần). Cụ thể, theo quy định tại Khoản 8, Điều 1, Nghị định 13/2010/NĐ-CP:

“Mức trợ cấp cứu trợ đột xuất thấp nhất đối với các đối tượng quy định tại Điều 6 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP như sau:

1. Đối với hộ gia đình:

a) Có người chết, mất tích: 4.500.000 đồng/người;

b) Có người bị thương nặng: 1.500.000 đồng/người;

c) Có nhà bị đổ, sập, trôi, cháy, hỏng nặng: 6.000.000 đồng/hộ;

d) Hộ gia đình phải di dời nhà ở khẩn cấp do nguy cơ sạt lở đất, lũ quét: 6.000.000 đồng/hộ;

đ) Hộ gia đình quy định tại điểm c và d khoản 1 Điều này sống ở vùng khó khăn thuộc danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn do Thủ tướng Chính phủ quy định, mức hỗ trợ: 7.000.000 đồng/hộ.

2. Cá nhân:

a) Trợ giúp cứu đói: 15 kg gạo/người/tháng, trong thời gian từ 1 đến 3 tháng;

b) Người gặp rủi ro ngoài vùng cư trú bị thương nặng, gia đình không biết để chăm sóc: 1.500.000 đồng/người;

c) Người lang thang xin ăn trong thời gian tập trung chờ đưa về nơi cư trú: 15.000 đồng/người/ngày nhưng không quá 30 ngày. Trường hợp đặc biệt cần phải kéo dài thì thời gian được hưởng trợ cấp tối đa không quá 90 ngày và mức trợ cấp bằng mức trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng tại cơ sở bảo trợ xã hội.

3. Đối với người gặp rủi ro ngoài vùng cư trú bị chết, gia đình không biết để mai táng, được Ủy ban nhân dân cấp xã, bệnh viện, cơ quan, đơn vị tổ chức mai táng thì các cơ quan, đơn vị đứng ra mai táng được hỗ trợ kinh phí mai táng thấp nhất bằng 3.000.000 đồng/người.”

Như vậy, người dân miền Trung bị thiệt hại nặng do cơn bão số 10 gây ra đã được trợ giúp đột xuất theo chính sách quy định tại Nghị định số 67/2007/NĐ-CP, Nghị định số 13/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

13. Cử tri kiến nghị có chính sách đối với những người tham gia công tác xã hội nhiều năm, không có bằng cấp, đến nay đã nghỉ công tác nhưng chưa được hưởng chế độ (Cử tri tỉnh Tuyên Quang - Kiến nghị số 213).

Vấn đề này thuộc thẩm quyền của Bộ Nội vụ theo quy định tại Nghị định số 61/2012/NĐ-CP ngày 10/8/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ.

14. Đề nghị xem xét bổ sung quy định việc cấp bằng chúc thọ đối với người cao tuổi được 90 tuổi và 100 tuổi, vì hiện nay những người có tuổi thọ là: 70, 75, 80, 85, 95 và trên 100 tuổi thì được địa phương cấp bằng chúc thọ, trong khi đó những người có tuổi thọ là 90 tuổi và 100 tuổi thì không được cấp bằng chúc thọ (Cử tri tỉnh Trà Vinh - Kiến nghị số 220).

Về vấn đề này, ngày 26/11/2013 Văn phòng Chủ tịch nước đã ban hành Công văn số 1539/VPCTN-TĐKT gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố hướng dẫn thực hiện Điều 21 Luật người cao tuổi như sau:

Từ ngày 01/01/2014, Chủ tịch nước sẽ gửi Giấy chúc thọ đến công dân Việt Nam tròn 100 tuổi. Trên cơ sở đó, các địa phương hằng năm lập danh sách công dân tròn 100 tuổi sinh sống trên địa bàn gửi về Văn phòng Chủ tịch nước (Danh sách công dân tròn 100 tuổi ghi rõ thông tin: Họ và tên, năm sinh, giới tính, dân tộc, quê quán, nơi ở hoặc nơi thường trú) để tổng hợp, trình Chủ tịch nước gửi Giấy chúc thọ. Chủ tịch nước ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức trao Giấy chúc thọ và quà tặng đối với công dân tròn 100 tuổi. Còn đối với công dân tròn 90 tuổi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy chúc thọ và tặng quà.

III. VỀ CHÍNH SÁCH PHÒNG CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI

Kiến nghị sớm ban hành Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính về nội dung cai nghiện ma túy và quản lý sau cai (Cử tri tỉnh Quảng Ninh - Kiến nghị số 212)

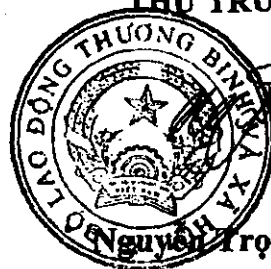
Ngày 30 tháng 12 năm 2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 221/2013/NĐ-CP quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Trên đây là nội dung trả lời kiến nghị cử tri của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, kính gửi Quý Ban tổng hợp./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban Thường vụ QH; ✓
- Ủy ban CVĐXH QH; ✓
- Chủ nhiệm VPQH; ✓
- Trưởng đoàn ĐBQH 63 tỉnh, thành phố;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm VPCP; ✓
- Bộ LĐTBXH: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, Cục BTXH, VPQGGN, Cục PCTNXH; ✓
- Lưu: VT, TKTH.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Trọng Đàm